

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN ĐÌNH KHÔI

2. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1978 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 72, đường Cách mạng tháng 8, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 72, đường Cách mạng tháng 8, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại di động: 0907552277; E-mail: pdkhoi@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2005: Giảng viên thuộc Bộ môn Kinh tế tổng hợp, Khoa Kinh tế- QTKD, Trường Đại học Cần Thơ

Từ năm 2005 đến năm 2009: Phó Trưởng bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ

Từ năm 2009 đến năm 2012: Giảng viên, Bộ môn Kinh tế; đi học tiến sĩ tại Đại học Lincoln, New Zealand

Từ năm 2012 đến năm 2017: Quyền Trưởng bộ môn, Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Từ năm 2017 đến năm 2019: Trưởng bộ môn, Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, đường Ba tháng Hai, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ

Điện thoại cơ quan 02923 838 831

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 9 năm 1999, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính – Tín dụng

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 4 năm 2003, ngành: Quản lý, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học quốc gia Philippines, Los Banos, the Philippines

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 4 năm 2013, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Lincoln, New Zealand

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành Kinh tế

12. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

– Tài chính phát triển: thị trường tín dụng nông thôn, tài chính vi mô, bảo hiểm nông nghiệp;

– Tài chính ngân hàng: thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp; tổ chức tài chính trung gian, tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa; tài chính hành vi;

– Đánh giá tác động: chương trình và chính sách đến phúc lợi, thu nhập của các đối tượng tham gia các chương trình tín dụng vi mô, chương trình bảo hiểm, chương trình bảo tồn tài nguyên.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 16 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành (số lượng) 1 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 30 bài báo KH, trong đó 4 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

Công trình khoa học:

1. "Formal and informal rural credit in the Mekong River Delta of Viet Nam: Interaction and Accessibility", Phan Dinh Khoi, Christopher Gan, Gilbert V. Nartea, and David Cohen, *Journal of Asian Economics*, tập 26, trang 1 – 13, năm 2013, thuộc danh mục ISI (SSCI), Thomson Reuters, IF (1.111), 43 lượt trích dẫn.

2. "Impact of microcredit on rural households in the Mekong River Delta", Phan Dinh Khoi, Christopher Gan, Gilbert V. Nartea, and David Cohen, *Journal of the Asia Pacific Economy*, tập 17(4), trang 558 – 578, năm 2014, thuộc danh mục ISI (SSCI), Web of Science, IF (0.67), 12 lượt trích dẫn.

3. "The Transmission Mechanism of Russian Central Banks Countercyclical Monetary Policy since 2011: Evidence from the Interest Rate Pass-Through", Nguyen Van Chu, Phan Dinh Khoi and Marvin Williams, *Journal of Eastern European and Central Asian Research*, tập 4(2), trang 1-13, năm 2017, thuộc danh mục Scopus.

– Chương sách:

4. Chapter 2. Rural credit market and microfinance in Vietnam, Phan Dinh Khoi and Christopher Gan, tên sách *Microfinance in Asia*, xuất bản năm 2017, ISBN: 978 – 981 – 3147 – 94 – 2, trang 23 – 46, World Scientific Publishing.

– Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ:

5. Đề tài "Giải pháp phát triển các dịch vụ bảo hiểm cây lúa phục vụ hộ trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long". Mã số, B2014-16-45. Chủ nhiệm Phan Đình Khôi, Nghiệm thu ngày 27/5/2017, Xếp loại Đạt.

– Chỉ số H (3.0), chỉ số RG (2.35), tổng số trích dẫn trên Google Scholar (64).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Trong khoảng thời gian 16 năm công tác tại Trường ĐHCT, tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được Khoa và Bộ môn phân công, bao gồm: phấn đấu học tập nâng cao trình độ, giảng dạy đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học, và hỗ trợ chuyên môn đối với đồng nghiệp trong và ngoài đơn vị. Bên cạnh giảng dạy, cá nhân tôi đã tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và dự án hợp tác quốc tế nhằm tích lũy kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn để nâng cao trình độ chuyên môn. Ở cương vị quản lý, tôi luôn có định hướng cho các hoạt động của cá nhân và tập thể Bộ môn góp phần thực hiện sứ mệnh của nhà Trường, cũng như trách nhiệm xã hội của đơn vị trong công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Cụ thể, Bộ môn Tài chính – Ngân hàng đã mở được ngành đào tạo tiến sĩ năm 2015, hoàn thành kiểm định nội bộ theo chuẩn AUN cho ngành Tài chính – Ngân hàng bậc đại học năm 2016, và mở ngành đào tạo chất lượng cao bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, tuyển sinh năm 2019.

Bên cạnh đào tạo và nghiên cứu, với những kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được, tôi luôn sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ, và hướng dẫn đồng nghiệp trẻ nâng cao trình độ chuyên môn (như giới thiệu giáo sư hướng dẫn cho nhiều cán bộ trẻ đi học nghiên cứu sinh tại các trường đại học ở ngoài nước), và cộng tác nghiên cứu khoa học. Cá nhân chủ nhiệm 01 đề tài Bộ và 01 đề tài Trường đã nghiệm thu và là thành viên tham gia của nhiều đề tài cấp Tỉnh và địa phương. Kết quả nghiên cứu từ các đề tài đã được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và chương sách như: *Journal of Asian Economics*, *Journal of the Asia Pacific Economy*, *World Scientific Publishing*, *Journal of Eastern European and Central Asian Research*; và các tạp chí khoa học trong nước như: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Technology of Banking Review*, *Tạp chí Khoa học Kinh tế*, *Tạp chí Thương Mại*, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TPHCM*, *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*.

Ngoài ra, tôi còn tham gia phản biện cho các tạp chí quốc tế như: *Outlook for Agriculture*, *Asian Social Science*, *Journal of the Knowledge Economy*, và là thành viên ban biên tập của Tạp chí *Southeast Asia Review of Economics and Business*, số xuất bản đầu tiên năm 2017.

Bên cạnh giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi còn tham gia giảng dạy, nghiên cứu, và trao đổi học thuật với các trường đại học quốc tế và trong nước. Cụ thể, tôi tham gia giảng dạy bậc đại học (năm 2011) và chấm luận án tiến sĩ cho Đại học Lincoln (năm 2017, 2018), tham gia chương trình trao đổi giảng viên với Đại học Limerick, Ireland (năm 2014), tham gia giảng dạy khóa tập huấn cho Trung tâm Sáng tạo và Phát triển (CID) tại Đại học

Wageningen, Hà Lan (năm 2016); và tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và giáo trình cho các trường đại học trong vùng.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 16 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

| TT | Năm học | Hướng dẫn NCS | | HD luận văn ThS | HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH | Giảng dạy | | Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi |
|----------------|-----------|---------------|-----|-----------------|-----------------------------------|-----------|-----|----------------------------------|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2013-2014 | | | 90 | 150 | 180 | 411 | 831 |
| 2 | 2014-2015 | | | 210 | 200 | 90 | 315 | 815 |
| 3 | 2015-2016 | | | 180 | 200 | 164 | 118 | 662 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2016-2017 | | | 180 | 221 | 145 | 247 | 793 |
| 5 | 2017-2018 | | | 180 | 230 | 190 | 250 | 850 |
| 6 | 2018-2019 | | | 150 | 245 | 210 | 180 | 785 |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh Văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ThS ; Tại nước: Philippines; Từ năm 2000 đến năm 2002
- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: Philippines năm 2002
- Học TS ; Tại nước: New Zealand; Từ năm 2009 đến năm 2012
- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: New Zealand năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lincoln, New Zealand

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

| TT | Họ tên NCS hoặc HV | Đối tượng | | Trách nhiệm HD | | Thời gian hướng dẫn từ đến ... | Cơ sở đào tạo | Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|--------------------|-----------|----|----------------|-----|-------------------------------------|---------------|--|
| | | NCS | HV | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Phan Thị Mỹ Hoàng | | x | x | | 2013-2014 | ĐHCT | 2014 |
| 2 | Lê Hồng Nga | | x | x | | 2014-2015 | ĐHCT | 2015 |

| | | | | | | | | |
|----|-------------------------|--|---|---|--|-----------|------|------|
| 3 | Bùi Tuấn Khanh | | x | x | | 2014-2015 | ĐHCT | 2015 |
| 4 | Nguyễn Việt Thành | | x | x | | 2013-2015 | ĐHCT | 2015 |
| 5 | Nguyễn Thị Bình | | x | x | | 2013-2016 | ĐHCT | 2016 |
| 6 | Huỳnh Cẩm Mộng Tuyền | | x | x | | 2013-2016 | ĐHCT | 2016 |
| 7 | Trương Thị Thanh Tâm | | x | x | | 2015-2016 | ĐHCT | 2016 |
| 8 | Nguyễn Thành Bích Tranh | | x | x | | 2015-2016 | ĐHCT | 2016 |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc Hân | | x | x | | 2016-2017 | ĐHCT | 2017 |
| 10 | Phạm Minh Ngọc | | x | x | | 2016-2017 | ĐHCT | 2017 |
| 11 | Nguyễn Phước Hậu | | x | x | | 2015-2017 | ĐHCT | 2017 |
| 12 | Trần Thúy Hằng | | x | x | | 2016-2017 | ĐHCT | 2017 |
| 13 | Trần Thị Kim Cúc | | x | x | | 2017-2018 | ĐHCT | 2018 |
| 14 | Trần Thu Hiền | | x | x | | 2017-2018 | ĐHCT | 2018 |
| 15 | Phạm Thị Quỳnh Như | | x | x | | 2018-2019 | ĐHCT | 2019 |
| 16 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | | x | x | | 2017-2019 | ĐHCT | 2019 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Viết MM hoặc CB, phần biên soạn | Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|--|----------------------------|-----------------------------------|---------------|---|---|
| 1 | Cơ sở cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ và nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. | TK | NXB Giáo Dục Việt Nam, 2008 | Nhiều tác giả | Đồng tác giả chính của chương 2, từ trang 276 đến trang 300 | Không |
| 2 | Bases for territory based rural development in the Mekong River Delta | TK | NXB Nông Nghiệp, 2009 | Nhiều tác giả | Đồng tác giả của 08 chương (tổng số 216 trang) | Không |
| 3 | Phát triển kinh tế ĐBSCL: Thành tựu và thách thức | TK | NXB Đại học Cần Thơ, 2016 | Nhiều tác giả | Đồng tác giả của 02 chương (tổng số 49 trang) | Không |
| 4 | Microfinance in Asia | TK | World Scientific Publishing, 2017 | 3 | Co-authors of chapter 2, from page 23 to page 46 | Không |

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) |
|---------------------------------|---|-----------|--------------------------------|---------------------|---|
| Trước khi bảo vệ tiến sĩ | | | | | |
| 1 | Tác động của môi trường kinh doanh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở ĐBSCL | TG | 04/NPT-B2007, Trường ĐHQG | 2007-2009 | 22/02/2009 |
| Sau khi bảo vệ tiến sĩ | | | | | |
| 1 | Xây dựng thành phố Cần Thơ cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020 | TG | Đề tài cấp TP, QĐ/3072/QĐ-UBND | 2013-2014 | 16/12/2014 |
| 2 | Tổng quan về kinh tế tư nhân ở Đồng bằng sông Cửu Long | CN | TCN2016-29, Trường ĐHQG | 2015-2016 | 25/7/2016 |
| 3 | Giải pháp phát triển dịch vụ bảo hiểm cây lúa phục vụ hộ trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long | CN | B2014-16-45, Bộ GD&ĐT | 2014-2017 | 26/5/2017 |

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

| TT | Tên bài báo | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/số | Trang | Năm công bố |
|---------------------------------|--|------------|--|---|--------------------------|--------|-------|-------------|
| Trước khi bảo vệ tiến sĩ | | | | | | | | |
| 1 | An overview of the development of private enterprise economy in the Mekong Delta | 3 | Research Paper No. 27, CDS, University of Groningen, Netherlands | | | 27 | 8-29 | 2003 |
| Sau khi bảo vệ tiến sĩ | | | | | | | | |
| 1 | Formal and Informal Rural Credit in the Mekong River | 4 | Journal of Asian Economics | ISI (SSCI), Clarivate Analytics, IF: 1.11 | 44 | 26 | 1-13 | 2013 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|---|---|----|---------|---------|------|
| | Delta of Vietnam: Interaction and Accessibility | | | | | | | |
| 2 | Impact of microcredit on rural households: An impact evaluation using panel data | 4 | Commerce Working Paper No.7, Lincoln University, New Zealand, ISSN: 2324 – 5220 | | | | | 2013 |
| 3 | Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận chính thức và không chính thức ở Đồng bằng sông Cửu Long | 1 | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ | | | 28(D) | 38-53 | 2013 |
| 4 | Impact of microcredit in the Mekong River Delta | 4 | Journal of the Asia Pacific Economy | ISI (SSCI), Clarivate Analytics, IF: 0.67 | 12 | 17(4) | 558-578 | 2014 |
| 5 | Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ sản xuất ở tỉnh Hậu Giang | 2 | Tạp chí Khoa học Đại học Huế | | | 92(2) | 93-104 | 2014 |
| 6 | Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ trồng lúa ở tỉnh Đồng Tháp | 3 | Tạp chí Khoa học Đại học Huế | | | 92(2) | 105-116 | 2014 |
| 7 | Các nhân tố ảnh hưởng đến giới hạn tín dụng của hộ gia đình ở thành phố Cần Thơ | 3 | Tạp chí Khoa học Đại học Huế | | | 92(2) | 117-126 | 2014 |
| 8 | Mức sẵn lòng đóng góp của người dân Đồng bằng sông Cửu Long cho chương trình bảo tồn đa dạng sinh học tại vườn chim Bạc Liêu | 2 | Tạp chí Kinh tế và Phát triển | | | 208(10) | 17-26 | 2014 |
| 9 | Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm tôm nuôi của hộ nông dân tại tỉnh Bạc Liêu | 2 | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ | | | 35(D) | 97-104 | 2014 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|--|--|--|--------|---------|------|
| 10 | Bảo hiểm nông nghiệp bền vững: lý thuyết và thực trạng triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam | 2 | Tạp chí Kinh tế và Phát triển | | | 218(8) | 48-55 | 2015 |
| 11 | Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng gói tiết kiệm: Trường hợp Agribank Bình Minh, Vĩnh Long | 4 | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ | | | 40(D) | 50-57 | 2015 |
| 12 | Tác động của chương trình thí điểm bảo hiểm tôm nuôi đến thu nhập của hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu | 2 | Tạp chí Kinh tế và Phát triển | | | 233 | 80-89 | 2016 |
| 13 | Tác động của chương trình cho vay hộ nghèo đến thu nhập của hộ: Bằng chứng thực nghiệm ở Bạc Liêu | 2 | Tạp chí Khoa học Kinh tế | | | 4(2) | 99-110 | 2016 |
| 14 | Mức sẵn lòng trả cho gạo hữu cơ của người dân ở thành phố Cần Thơ | 2 | Tạp chí Khoa học Kinh tế | | | 4(4) | 44-54 | 2016 |
| 15 | Các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng: Trường hợp các ngân hàng thương mại cổ phần sở hữu nhà nước ở Hậu Giang | 2 | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ | | | 48(D) | 104-111 | 2017 |
| 16 | Does Agricultural Insurance Program Matter? Empirical Evidence of the Rice Crop Insurance in the Mekong River Delta of Vietnam | 1 | Proceedings of the 11 th Asia-Pacific Conference on Global Business, Economics, Finance and Business Management, 16-18/2/2017, Bangkok, Thailand, ISBN: | | | | | 2017 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|--|--------|---|-------|---------|------|
| | | | 987 – 1 – 943597 – 13 – 6 | | | | | |
| 17 | Chuyển dịch cơ cấu nội ngành và tăng trưởng ngành công nghiệp địa phương: Trường hợp thành phố Cần Thơ | 2 | Tạp chí Kinh tế và Phát triển | | | 242 | 80-88 | 2017 |
| 18 | Mối quan hệ tương tác giữa lợi nhuận và rủi ro tín dụng: Trường hợp các quỹ tín dụng nhân dân ở An Giang | 2 | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | | | 5(56) | 65-76 | 2017 |
| 19 | Lượng giá tour tham quan điểm du lịch Chợ nổi Cái Răng theo cách tiếp cận thử nghiệm lựa chọn | 3 | Tạp chí Khoa học Thương mại | | | 107 | 10-16 | 2017 |
| 20 | The transmission mechanism of Russian Central Bank's countercyclical monetary policy since 2011: evidence from the interest rate pass-through | 3 | Journal of Eastern European and Central Asian Research | Scopus | | 4(2) | 1-14 | 2017 |
| 21 | Rural credit market and microfinance in Vietnam | 2 | Chapter 2 in the book entitled Microfinance in Asia, World Scientific Publishing | | 1 | | 23-46 | 2017 |
| 22 | Mối quan hệ giữa quản trị vốn lưu động và tỷ suất sinh lợi: Trường hợp các công ty ngành công nghiệp niêm yết ở Việt Nam | 3 | Tạp chí Công nghệ Ngân hàng | | | 141 | 72-85 | 2017 |
| 23 | Partial-credit-constraint and complete-credit-constraint of small and medium enterprises in | 2 | International Conference for Young Researchers in Economics and Business | | | | 210-222 | 2017 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|--|--------|--|-------|---------|------|
| | Vietnam | | (ICYREB) 2017, Da Nang, October 2017 | | | | | |
| 24 | Nghiên cứu nhu cầu của người tiêu dùng thành phố Vĩnh Long đối với sản phẩm thịt heo an toàn | 3 | Tạp chí Khoa học Quản lý & Kinh tế | | | 8 | 1-19 | 2018 |
| 25 | Earning Disclosure and Abnormal Returns: Empirical Evidence from Ho Chi Minh Stock Exchange | 2 | Banking Techonology Review | | | 2(3) | 63-78 | 2018 |
| 26 | Asymmetries in responses of commercial banks in a transitional economy to countercyclical monetary policy: The case of Romania | 3 | Journal of Eastern European and Central Asian Research | Scopus | | 5(1) | 1-13 | 2018 |
| 27 | Hiệu quả tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2006 – 2014 | 4 | Tạp chí Khoa học Kinh tế | | | 6(4) | 108-117 | 2018 |
| 28 | Analyzing the impact of credit portfolio diversification on the profitability of Vietnam commercial banks | 4 | Proceedings of the UHD-CTU International Conference in Economics and Business, held at University of Economics and Law, HCM city | | | | 78-89 | 2018 |
| 29 | Mức độ tập trung và cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam | 3 | Tạp chí Khoa học Kinh tế | | | 7(1) | 45-56 | 2019 |
| 30 | Quyết định sử dụng bảo hiểm y tế của người dân ở Việt Nam | 4 | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | | | 14(1) | 92-103 | 2019 |

- Trong đó, 4 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

- Giấy khen của Đại học Lincoln: Đạt giải nhì tại Hội nghị khoa học thường niên Sinh viên

sau đại học Đại học Lincoln, New Zealand, ngày 1-2/9/2011.

– Giấy khen của Đại học Thammasat: Bài báo cáo đạt giải tại Hội thảo quốc tế Sinh viên Kinh tế lần thứ 4 Đại học Thammasat, Thailand, tổ chức tại Bangkok, ngày 21-23/7/2012.

– Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2014.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Thành viên tổ xây dựng chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, tuyển sinh năm 2015.

- Thành viên tổ xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, tuyển sinh năm 2019.

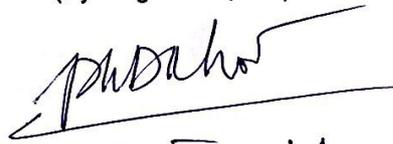
9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 2 tháng 7 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)


Phan Đình Khôi

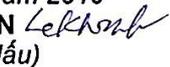
D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.

- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Cần Thơ, ngày tháng năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN 
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ sở đào tạo.
- (3) Địa danh.



Hà Thanh Toàn